

Số: 1206/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 13 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Nam năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh về Ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số và Quy định về đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Nam;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 142/TTr-STTTT ngày 02/6/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Nam năm 2022 (*Chi tiết Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức công bố kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước năm 2022.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ TTTT;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- BCĐ CCHC và CDS tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, NCKS, KGVX (H).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**

**Phụ lục**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CÁC**  
**CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2022**

*(Kèm theo Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

**1. Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các Sở, Ban, ngành**

STT	Sở Ban, ngành	Tổng điểm	Chỉ số DTI	Xếp loại
1	Sở Giao thông vận tải	976	97.6%	Tốt
2	Sở Thông tin và Truyền thông	970	97.0%	Tốt
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	965	96.5%	Tốt
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	959	95.9%	Tốt
5	Văn phòng UBND tỉnh	857	95.2%	Tốt
6	Sở Công Thương	947	94.7%	Tốt
7	Sở Tư pháp	945	94.5%	Tốt
8	Sở Nội vụ	943	94.3%	Tốt
9	Sở Tài chính	940	94.0%	Tốt
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	936	93.6%	Tốt
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	932	93.2%	Tốt
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	927	92.7%	Tốt
13	Thanh tra tỉnh	825	91.7%	Tốt
14	Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	915	91.5%	Tốt
15	Sở Ngoại vụ	909	90.9%	Tốt
16	Sở Khoa học và Công nghệ	905	90.5%	Tốt
17	Ban Dân tộc	903	90.3%	Tốt
18	Sở Xây dựng	877	87.7%	Khá
19	Sở Y tế	859	85.9%	Khá
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	844	84.4%	Khá

*\* Ghi chú: Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh: Thang điểm đánh giá 900 điểm (do giảm trừ 100 điểm: không có dịch vụ công trực tuyến).*

**2. Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của UBND các huyện, thị xã, thành phố**

<b>STT</b>	<b>Huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>Chỉ số DTI</b>	<b>Xếp loại</b>
1	Huyện Bắc Trà My	953	95.3%	Tốt
2	Thành phố Tam Kỳ	948	94.8%	Tốt
3	Huyện Núi Thành	943	94.3%	Tốt
4	Huyện Đại Lộc	938	93.8%	Tốt
5	Huyện Duy Xuyên	932	93.2%	Tốt
6	Thị xã Điện Bàn	918	91.8%	Tốt
7	Huyện Thăng Bình	912	91.2%	Tốt
8	Thành phố Hội An	907	90.7%	Tốt
9	Huyện Tây Giang	904	90.4%	Tốt
10	Huyện Tiên Phước	900	90%	Tốt
11	Huyện Phước Sơn	852	85.2%	Khá
12	Huyện Nông Sơn	812	81.2%	Khá
13	Huyện Quế Sơn	800	80%	Khá
14	Huyện Nam Giang	779	77.9%	Khá
15	Huyện Phú Ninh	765	76.5%	Khá
16	Huyện Đông Giang	744	74.4%	Khá
17	Huyện Nam Trà My	725	72.5%	Khá
18	Huyện Hiệp Đức	700	70%	Khá